Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 1

Ngữ pháp HW: …….

Đọc HW: …….

StarLink

PRESENT CONTINUOUS & STARTERS READING PRACTICE PART 2

A. THEORY

I. GRAMMAR – PRESENT CONTINUOUS *(Thì hiện tại hoàn thành)*

1. Cách dùng

- Hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.
- Việc đang diễn ra trong thời gian ngắn hiện tại.

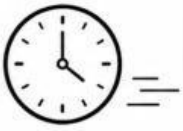

2. Mẫu câu

I am reading a book.

She is reading a book.

They are reading books.

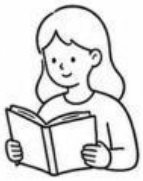

3. Lưu ý

I am = I'm
He is = He's
She is = She's
It is = It's

You are = You're
We are = We're
They are = They're

4. Dấu hiệu nhận biết

now | right now | at the moment | today | this week | Look! | Listen!

5. Cách thêm -ing

read → reading | play → playing | lie → lying | write → writing | swim → swimming

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet_s3_w1_extra-vocab

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1.	paint (v)	vẽ, tô màu		4.	skateboard (n)	ván trượt	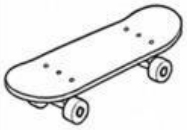
2.	garden (n)	khu vườn		5.	baseball cap (n)	mũ lưỡi trai	
3.	kite (n)	con diều	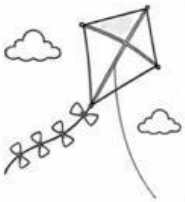	6.	children (n)	trẻ em	

Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

LIVEWORKSHEETS

III. READING TIP

Cách làm Starters Reading Part 2

Nhìn tranh – đọc câu – chọn yes / no

1. Nhìn tranh

Xác định chủ thể chính:

- con người
- đồ vật
- hoạt động

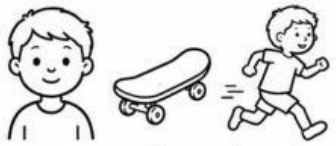

con người đồ vật hoạt động

2. Đọc câu

Gạch chân từ khoá
(danh từ / động từ / tính từ)

There are two skateboards.

3. So sánh với tranh

Đọc hết câu.
Chú ý các chi tiết khác biệt giữa câu hỏi và tranh mẫu.

✓ Trùng hình → **yes**

✗ Không trùng → **no**

B. CLASSWORK

STARTERS READING PRACTICE PART 2 (5 questions)

Look and Read. Write Yes or No.

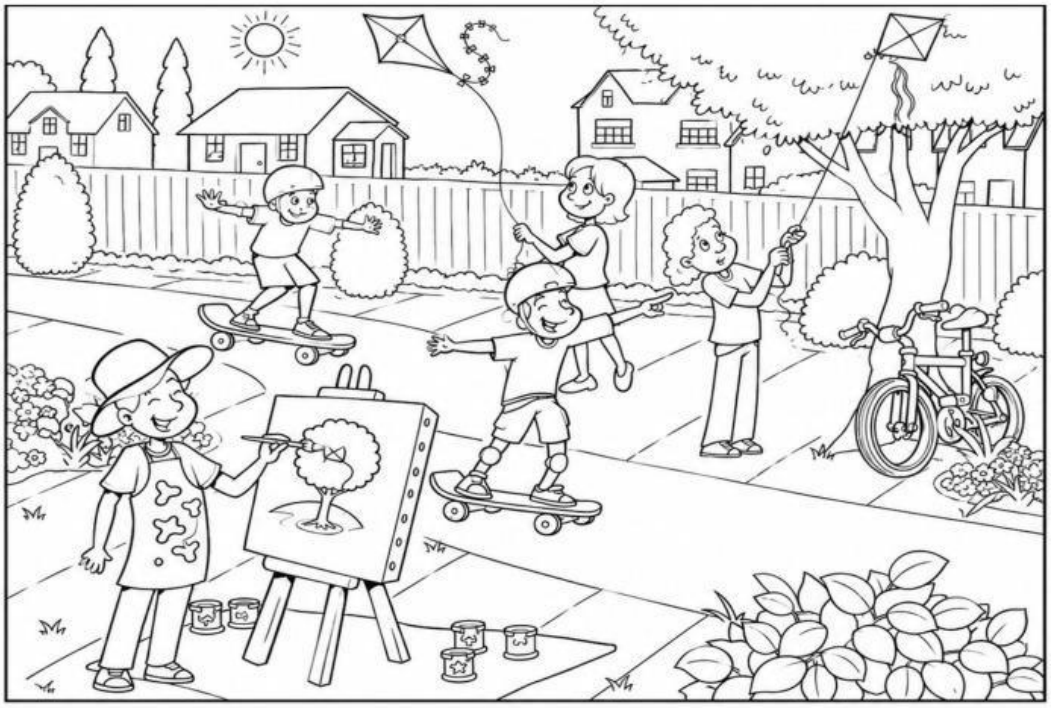

Examples

One boy is painting a picture of a tree. .....yes.....

You can see six children in the garden. .....no.....

Questions

1 One kite is in the tree. .....

2 There are two skateboards. .....

3 One of the girls is wearing a baseball cap. .....

4 You can see the sun. .....

5 Two boys are riding their bikes. .....

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép mỗi từ ở mục II. EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Write the V-ING form. *(Viết dạng V-ing của các động từ sau.)*

0.		*swim* → *swimming*	*3.*		lie → _____
1.		eat → _____	4.		play → _____
2.		drink → _____	5.		read → _____

III. Choose the correct answers. *(Chọn đáp án đúng.)*

0. My brother _____ TV now.
A. watches
B. is watching

1. I _____ my homework right now.
A. am doing
B. is doing

2. Look! The dog _____ after the ball.
A. is runing
B. is running

3. Mia and Ben _____ lunch now.
A. are making
B. is making

4. We _____ for the bus at the moment.
A. is waiting
B. are waiting

5. Listen! Dad _____ on the phone.
A. are speaking
B. is speaking

IV. Complete the sentences. Using am, is, are. *(Hoàn thành câu Sử dụng am, is, are.)*

0. Lucy is reading now.

1. I _ _ writing at the moment.
2. The boys _ _ _ playing basketball now.
3. My mother _ _ making dinner now.
4. We _ _ _ sitting right now.
5. Tom and his sister _ _ _ doing homework.

LIVEWORKSHEETS

READING PRACTICE (5 questions)

Read Starters Reading Practice Part 2 again and choose the correct answers. (*Đọc lại Starters Reading Practice Part 2 và chọn đáp án đúng.)*

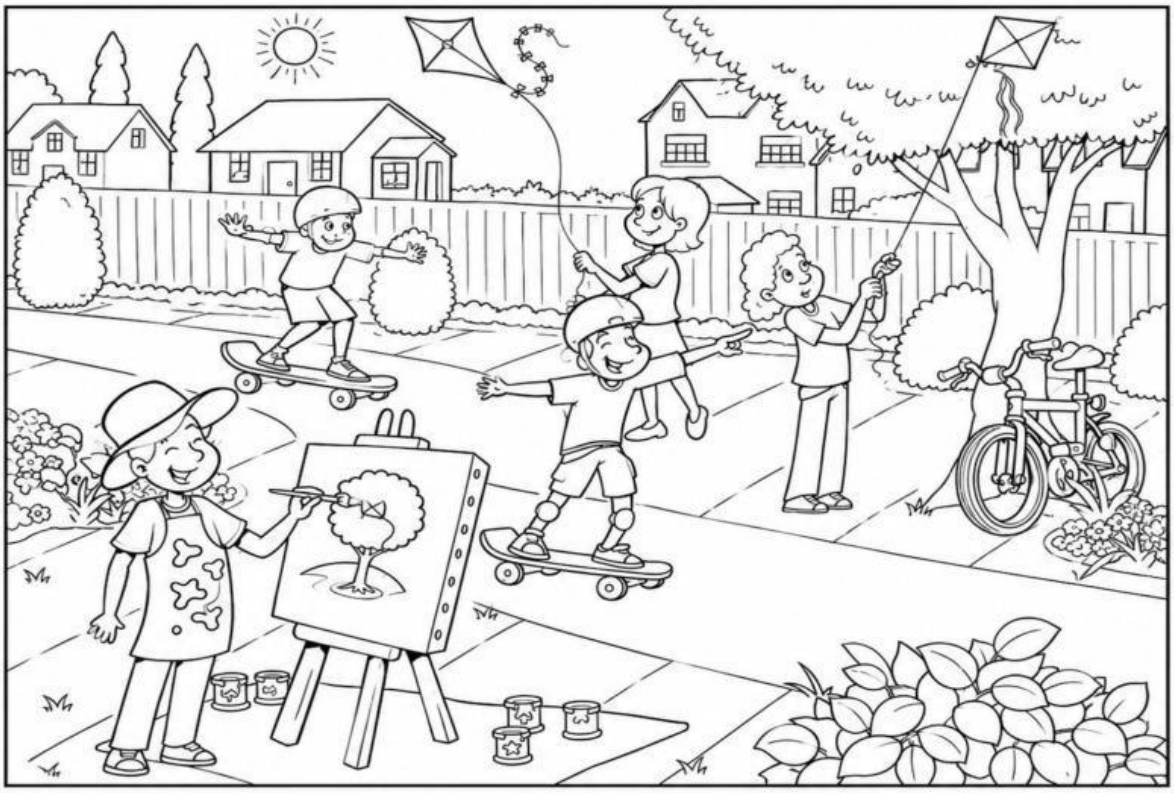

0. How many children?

A. four

B. five

C. six

2. How many bikes?

A. two

B. one

C. three

4. What can you see in the sky?

A. a plane

B. a bird

C. the sun

1. How many boys?

A. three

B. four

C. two

3. The boys are riding ....?

A. kites

B. bikes

C. skateboard

5. How many girls?

A. two

B. three

C. four

LIVEWORKSHEETS